THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1015/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

Điều 2. Giao các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định liên quan theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành.

Căn cứ vào tình hình, điều kiện thực tế, các bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo cấp có thẩm quyền áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và theo trình

tự, thủ tục rút gọn hoặc lồng ghép nội dung phương án phân cấp trong quá trình sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thực thi Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định này, bảo đảm chất lượng, tiến độ và phù hợp với nhiệm vụ, lộ trình tại Quyết định này, Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Chương trình công tác của Chính phủ và Kế hoạch công tác của các bộ, cơ quan ngang bộ.

Các bộ, cơ quan chủ động phát hiện và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc việc thực thi Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính và tổng hợp các vấn đề phát sinh, vướng mắc của các bộ, cơ quan, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Bình Minh

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG AN

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

1. Thủ tục Trình báo mất thẻ ABTC (mã TTHC: 1.001458).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh (A08) về Công an cấp tỉnh (PA08), cấp huyện, cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 54/2015/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2016/TT-BCA ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Trình báo mất hộ chiếu phổ thông (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 2.000539); Trình báo mất hộ chiếu phổ thông (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 1.001445); Trình báo mất hộ chiếu phổ thông (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 1.010385).

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 2.000539 từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh (A08) về Công an cấp tỉnh (PA08).

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.001445 từ Công an cấp tỉnh (PA08) về Công an cấp huyện.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.010385 từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2021 quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Thủ tục xác nhận cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam (mã TTHC: 1010048).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh (A08) về Công an cấp tỉnh (PA08), Công an cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng cổng kiểm soát tự động.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào cho công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú ở tỉnh có chung đường biên giới với Lào (mã TTHC: 1.001280).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Công an cấp tỉnh có chung đường biên giới với Lào cho Công an cấp huyện và Công an cấp xã giáp biên giới thực hiện, theo hướng: (i) Công an cấp xã cấp Giấy thông hành cho công dân có hộ khẩu thường trú đối với xã giáp biên giới; (ii) Công an cấp huyện cấp Giấy thông hành cho công dân có hộ khẩu thường trú tại huyện giáp biên giới và (iii) Công an cấp tỉnh cấp Giấy thông hành cho công dân làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào và công dân có hộ khẩu thường trú tại các huyện, xã còn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 9 Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 1.010049); Trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 1.010054).

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.010049 từ Công an cấp tỉnh về Công an cấp huyện.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.010054 từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7, 9 và 11 Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng Giấy thông hành.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

1. Nhóm các thủ tục: Cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.001288); Cấp đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.001281); Cấp lại chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.001287).

a) Nội dung phân cấp: Bổ sung thẩm quyền cho Công an cấp tỉnh (PC07) giải quyết đối với việc cấp, cấp đổi, cấp lại chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy, chữa cháy trong các lĩnh vực: Tư vấn giám sát về phòng cháy, chữa cháy; chỉ huy thi công về phòng cháy, chữa cháy.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 45 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.009887).

a) Nội dung phân cấp:

- Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (C07) thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp ứng tiêu chí phân loại dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công (trừ các dự án, công trình đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư); công trình có chiều cao trên 150 m; công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên; dự án, công trình do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh đề nghị.

- Công an cấp tỉnh (PC07) thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đối với đồ án quy hoạch; dự án, công trình không thuộc thẩm quyền của C07 trên địa bản quản lý và những trường hợp do C07 ủy quyền; phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn quản lý.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng

cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.000858).

a) Nội dung phân cấp:

- Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (C07) nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp ứng tiêu chí phân loại dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công (trừ các dự án, công trình đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư); công trình có chiều cao trên 150 m; công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên; dự án, công trình do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh đề nghị.

- Công an cấp tỉnh (PC07) nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy đối với đồ án quy hoạch; dự án, công trình không thuộc thẩm quyền của C07 trên địa bản quản lý và những trường hợp do C07 ủy quyền; phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn quản lý.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 13 và khoản 8 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.004319); Cấp đổi Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.009889); Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.009890).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (C07) về Công an cấp tỉnh (PC07), Công an cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001776); Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 1.009902); Cấp đổi Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 1.009901).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Công an cấp tỉnh (PC07) về Công an cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Nhóm các thủ tục: Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.009888); Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 1.009900); Phục hồi hoạt động của cơ sở,

phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 1.009912).

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.009888 từ Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (C07) về Công an cấp tỉnh (PC07), Công an cấp huyện, Công an cấp xã.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.009900 từ Công an cấp tỉnh (PC07) về Công an cấp huyện.

- Thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.009912 từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 và 18 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.009893).

a) Nội dung phân cấp: Bổ sung thẩm quyền cho Công an cấp tỉnh (PC07) giải quyết Cấp giấy chứng nhận kiểm định đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy quy định tại các mục 1, 4, 9 Phụ lục VII Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 38 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN; ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục xác nhận số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 2.000677).

a) Nội dung phân cấp: Bổ sung cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC là Công an cấp xã đối với trường hợp có thông tin số chứng minh nhân dân 9 số trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2024.

2. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001262).

a) Nội dung phân cấp:

- Phòng Cảnh sát giao thông Công an các địa phương cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên cho các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BCA-BCT).

- Công an cấp huyện cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện có trụ sở đóng trên địa bàn huyện (mới đề nghị phân cấp).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BCA-BCT ngày 08 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ PHÁO

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.000622); Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.000525); Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002229); Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002243); Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.000577); Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.000673); Cấp đổi Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.000600); Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.001237); Cấp Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002106); Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002125); Cấp Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002066); Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002021).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp một phần thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) về Công an cấp tỉnh (PC06) đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc bộ, ngành ở trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh chỉ được trang bị vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 18/2018/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép, Giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Thông báo khai báo vũ khí thô sơ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002163); Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thô sơ tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 1.002207).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) về Công an cấp tỉnh (PC06) đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc bộ, ngành ở trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 18/2018/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép, Giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển pháo hoa để kinh doanh tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an (mã TTHC: 3.000172).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) về Công an cấp tỉnh (PC06).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Đ. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ NGÀNH NGHỀ ĐẦU TƯ, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ

1. Nhóm các thủ tục: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.003204); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 2.001531); Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp trung ương - mã TTHC: 1.003176).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) về Công an cấp tỉnh (PC06) đối với các ngành nghề: Kinh doanh các loại pháo; kinh doanh ngành nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí trên thềm lục địa Việt Nam; kinh doanh, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001478); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001551); Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001402).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Công an cấp tỉnh (PC06) về Công an cấp huyện đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú có quy mô từ 20 phòng trở xuống.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn năm 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 2.000569); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện ở cấp huyện - mã TTHC: 2.000485); Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp huyện - mã TTHC: 2.000556).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú không phải là doanh nghiệp có quy mô kinh doanh từ 09 phòng trở xuống và các cơ sở kinh doanh khí là hộ kinh doanh (không phải là doanh nghiệp) đóng trên địa bàn cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI VÀ MIỀN NÚI; AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

1. Thủ tục Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào (mã TTHC: 2.001272).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 3 Thông tư số 56/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định Thương mại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) (mã TTHC: 1.000966); Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) (mã TTHC: 2.000442); Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) (mã TTHC: 1.000896).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG; VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

1. Nhóm các thủ tục: Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá (mã TTHC: 1.000162); Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu (mã TTHC: 1.000949); Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 1.000172); Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá (mã TTHC: 1.000667); Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá (mã TTHC: 1.001335).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (mã TTHC: 1.000998); Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (mã TTHC: 1.000965); Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương (mã TTHC: 1.000395).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC: 1.000350); Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC: 1.005405); Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC: 1.005406).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, 12, 13 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4, Điều 12, 13 Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quy trình Kimberly đối với kim cương thô (mã TTHC: 1.000658).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về các Phòng Quản lý Xuất Nhập khẩu khu vực, gồm: Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Bình Dương; Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đồng Nai; Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đà Nẵng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp chứng nhận và thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô nhằm thực thi các quy định của quy chế chứng nhận quy trình Kimberley.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Cấp mã số nhà sản xuất (MID) hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ (mã TTHC: 1.000113).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1059/2005/QĐ-BTM ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Bộ Thương mại và Thông tư số 16/2010/TT-BCT ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc cấp mã số nhà sản xuất hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (mã TTHC: 1.001238); Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (mã TTHC: 1.001104).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về các Phòng Quản lý Xuất Nhập khẩu khu vực, gồm: Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Bình Dương; Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đồng Nai.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5

năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật (mã TTHC: 1.000477); Cấp Giấy phép gia công hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (mã TTHC: 2.001189).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 36, 38 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới (mã TTHC: 2.001264).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC ĐIỆN; XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 MW đặt tại địa phương (mã TTHC: 2.001617); Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương (mã TTHC: 2.001549); Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương (mã TTHC: 2.001249); Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến

cấp điện áp 35 kV tại địa phương (mã TTHC: 2.001724); Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương (mã TTHC: 2.001535); Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương mã TTHC: 2.001266); Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương (mã TTHC: 2.001561); Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương (mã TTHC: 2.001632).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp tỉnh về Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001399); Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001384); Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001076); Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001391); Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.001036).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 5 Điều 34, các mẫu từ 01 - 08 của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Đ. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép bán lẻ rượu (mã TTHC: 2.000620); Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu (mã TTHC: 2.000615); Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu (mã TTHC: 2.001240); Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (mã TTHC: 2.000633); Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (mã TTHC: 2.000629) và Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (mã TTHC: 1.001279).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 18 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 2.000181); Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 2.000150); Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 2.000162).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; khoản 5 Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Quý IV năm 2023.

3. Thủ tục nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại (mã TTHC: 2.000209).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2022 - 2023.

Phụ lục III

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC HÀNG HẢI

1. Thủ tục Chấp thuận cắm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển (mã TTHC: 1.004984).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cảng vụ Hàng hải về Chủ tịch UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải (mã TTHC: 1.004123).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 40 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (mã TTHC: 1.004850); Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (mã TTHC: 1.004843).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7, 8 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải (mã TTHC: 1.004828); Cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải (mã TTHC: 1.005115).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13, 14 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng (mã TTHC: 1.002249).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 41 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo (mã TTHC: 2.000795).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cảng vụ Hàng hải về Sở Giao thông vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Thủ tục Đổi tên cảng cạn (mã TTHC: 1.001870).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Thủ tục Tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn (mã TTHC: 1.004280).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

9. Nhóm các thủ tục: Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (mã TTHC: 1.000940); Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (mã TTHC: 1.007949).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, 10 Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ đang khai thác (mã TTHC: 1.001075).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Đường bộ Việt Nam về Cục Quản lý đường bộ, các Sở Giao thông vận tải quản lý ủy thác quốc lộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16, 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-GP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác (mã TTHC: 1.002556).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với đường cao tốc do trung ương quản lý).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (mã TTHC: 1.000028).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trường hợp đặc biệt phục vụ an ninh, quốc phòng, công trình năng lượng, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào quốc lộ (mã TTHC: 1.000583).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Đường bộ Việt Nam về Cục Quản lý đường bộ, các Sở Giao thông vận tải quản lý ủy thác quốc lộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc (mã TTHC: 1.002798).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với đường cao tốc do trung ương quản lý).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Nhóm các thủ tục: Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (mã TTHC: 2.001218); Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (mã TTHC: 2.001217).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11, 12, 13 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải (mã TTHC: 2.001219).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đường thủy nội địa, Cục Hàng hải Việt Nam và UBND cấp tỉnh về Sở Giao thông vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, 10 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (mã TTHC: 1.009455); Công bố hoạt động bến thủy nội địa (mã TTHC: 1.009454); Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa (mã TTHC: 1.003658); Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (mã TTHC: 1.009453).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Giao thông vận tải về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16, 18, 19 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu (mã TTHC: 2.001215); Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (mã TTHC: 2.001212); Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (mã TTHC: 2.001214); Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (mã TTHC: 2.001211).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 19, 20, 21, 22, 23 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

1. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu (mã TTHC: 1.001131); Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (mã TTHC: 1.005091).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đăng kiểm Việt Nam về Chi cục Đăng kiểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, 11, 12 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong Giao thông vận tải (mã TTHC: 1.004337).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đăng kiểm Việt Nam về Chi cục Đăng kiểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13, 14 Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Kiểm định, cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển (mã TTHC: 1.000305); Đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển (mã TTHC: 1.000010).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đăng kiểm Việt Nam về Chi cục Đăng kiểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10, 15 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe máy chuyên dùng (mã TTHC: 1.005107).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đăng kiểm Việt Nam về Chi cục Đăng kiểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16, 17 Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Đ. LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG

1. Thủ tục Mở cảng hàng không, sân bay (mã TTHC: 1.001369).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Giao thông vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 38 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam (mã TTHC: 1.002845).

a) Nội dung phân cấp: Đề nghị thực hiện phân cấp một phần công việc của Cục Hàng không cho các Cảng vụ Hàng không theo hướng bổ sung cơ quan thực hiện là các Cảng vụ Hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 60 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (mã TTHC: 1.004724); Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (mã TTHC: 1.002897).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam về Cảng vụ hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 52, 53 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam (doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình) (mã TTHC: 1.004419); Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài (mã TTHC: 1.004418).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam về Cảng vụ hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không (mã TTHC: 1.004682); Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không (mã TTHC: 1.004674).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 57 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung (mã TTHC: 1.000312).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 1 Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.004480); Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam (mã TTHC: 1.004465).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam về cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Thủ tục Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không (mã TTHC: 1.002886).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 42, 45 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

9. Thủ tục Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng (mã TTHC: 1.002890).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 42, 43 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

10. Nhóm các thủ tục: Phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài (mã TTHC: 1.003378); Sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không (mã TTHC: 1.003376).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng không Việt Nam cho Cảng vụ hàng không (đối với trường hợp doanh nghiệp có quy mô hoạt động chỉ trong phạm vi một cảng hàng không).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 26 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết

Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

E. LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (mã TTHC: 1.010000); Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (mã TTHC: 1.004844); Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (mã TTHC: 1.005075).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đường sắt Việt Nam về UBND cấp tỉnh thực hiện (đối với phương tiện giao thông đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng trên địa bàn quản lý).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 Thông tư số 13/2021/TT-BGTVT ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt; sửa đổi, bổ sung Điều 16 Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép lái tàu cho các lái tàu đầu tiên trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam (mã TTHC: 1.009479); Cấp giấy phép lái tàu cho lái tàu trên các tuyến đường sắt đang khai thác (mã TTHC: 1.005071).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đường sắt Việt Nam về UBND cấp tỉnh có đường sắt đô thị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Thông tư số 25/2021/TT-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số

điều của Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt; Thông tư số 05/2021/TT-BGTVT ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Thông tư số 24/2020/TT-BGTVT ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái tàu (mã TTHC: 1.003897).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đường sắt Việt Nam về UBND cấp tỉnh (bao gồm 05 UBND: thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Lào Cai, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Quảng Ninh) đối với lái tàu trên các tuyến đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 37 Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt (mã TTHC: 1.004685); Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt (mã TTHC: 1.004681).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Đường sắt Việt Nam (đối với các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7, 9, 10 Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống) (mã TTHC: 1.004883).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Đường sắt Việt Nam (đối với đường ngang xây dựng trên đường sắt quốc gia, đường ngang công cộng xây dựng trên đường sắt chuyên dùng liên quan đến quốc lộ).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC; GIÁO DỤC TRUNG HỌC

1. Nhóm các thủ tục: Cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục (mã TTHC: 1.005020); Điều chỉnh, bổ sung đối tượng, phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (mã TTHC: 1.010024).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3, 4, 5 Điều 100 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, trong đó giao Cục Quản lý chất lượng chủ trì, phối hợp với các cục, vụ có liên quan quyết định cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở (mã TTHC: 2.002481); Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông (mã TTHC: 2.002478); Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học (mã TTHC: 1.001088).

a) Nội dung phân cấp:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 2.002481 từ Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo về Hiệu trưởng (Thủ trưởng) cơ sở giáo dục;

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 2.002478 từ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về Hiệu trưởng (Thủ trưởng) cơ sở giáo dục;

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC mã 1.001088 từ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo về Hiệu trưởng (Thủ trưởng) cơ sở giáo dục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm f khoản 1 Điều 5, điểm a, b khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

1. Thủ tục Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên (mã TTHC: 1.000729).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung mục III Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo của trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (mã TTHC: 1.005106).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 30 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (mã TTHC: 2.000011).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã (mã TTHC: 1.005097).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5, 6 Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại "cộng đồng học tập" cấp xã.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Nhóm các thủ tục: Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (mã TTHC: 1.001622); Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp (mã TTHC: 1.008950); Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (mã TTHC: 1.008951).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp huyện về Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7, khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

6. Thủ tục Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (mã TTHC: 1.000288).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39 Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

7. Thủ tục Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (mã TTHC: 1.000280).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia với trường tiểu học.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

8. Thủ tục Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (mã TTHC: 1.000691).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

9. Thủ tục Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (mã TTHC: 1.008723).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

1. Thủ tục Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (mã TTHC: 1.008720).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cử đi học nước ngoài (mã TTHC: 1.001694); Thay đổi nước đến học hoặc ngành học (mã TTHC: 3.000025).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Cục trưởng Cục Hợp tác quốc tế thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó giao Cục Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các cục, vụ có liên quan xem xét, quyết định cử đi học nước ngoài.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Phụ lục V

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

1. Nhóm các thủ tục: Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (mã TTHC: 1.001357); Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (mã TTHC: 1.001354); Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (mã TTHC: 1.001080).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Khoa học và Công nghệ về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 20, khoản 5 Điều 30 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (mã TTHC: 2.001164); Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (mã TTHC: 2.001143); Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (mã TTHC: 1.002935).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 20, khoản 5 Điều 30 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi

tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (mã TTHC: 2.002380); Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế) (mã TTHC: 2.002379); Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (mã TTHC: 2.002384); Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (mã TTHC: 2.002383); Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (mã TTHC: 2.002381); Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (mã TTHC: 2.002382).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 77 Luật Năng lượng nguyên tử; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA; THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

1. Thủ tục Công bố thông tin thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; thông báo, giải thể quỹ và báo hoạt động quỹ khởi nghiệp sáng tạo trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (mã TTHC: 1.000062).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Cục Phát triển doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 2.000024); Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 1.000016); Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 2.000005); Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh (mã TTHC: 2.002005); Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư cấp tỉnh (mã TTHC: 2.002004).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Kế hoạch và Đầu tư về Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11, 12, 13, khoản 5 Điều 15, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Thủ tục Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp (mã TTHC: 2.001999).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Kế hoạch và Đầu tư về Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Nhóm các thủ tục: Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005125); Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã - trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng (mã TTHC: 1.005072); Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005283); Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia (mã TTHC: 1.005122); Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất (mã TTHC: 2.001957); Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 2.002125); Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập (mã TTHC: 1.005056); Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách (mã TTHC: 2.001979); Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 2.002013); Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005047); Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005003); Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 2.001962); Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005046); Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005064); Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã (mã TTHC: 1.005124).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư về Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

B. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI; ĐẦU TƯ BẰNG VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC

1. Nhóm các thủ tục: Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về nước (mã TTHC: 2.00256); Thông báo thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài (mã TTHC: 2.002255).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 68, điểm a khoản 3 Điều 73 Luật Đầu tư; sửa biểu mẫu B.I.11 và B.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A (mã TTHC: 2.000028); Quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (mã TTHC: 1.004864).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp một phần thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ cho người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với các trường hợp:

- Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu của các nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do cơ quan, tổ chức, địa phương quản lý.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP; AN TOÀN LAO ĐỘNG

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (mã TTHC: 1.000298); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (mã TTHC: 1.000295).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3, 4 Điều 8, khoản 2, 4 Điều 18, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (mã TTHC: 2.000134).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Luật An toàn vệ sinh lao động; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật An toàn vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NGOẠI GIAO

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

LĨNH VỰC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ

1. Thủ tục Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (mã TTHC: 2.002314).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về cơ quan có thẩm quyền quản lý thuộc UBND cấp tỉnh (giữ nguyên thẩm quyền giải quyết đối với hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ).

Điều kiện phân cấp: Các hồ sơ đề nghị xin chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung góp ý thống nhất của các cơ quan liên quan, đồng thời đáp ứng được một trong hai tiêu chí: (i) không có nội dung nhạy cảm, phức tạp; hoặc (ii) đã có ý kiến đồng ý về chủ trương của cơ quan Đảng liên quan.

Trường hợp không đáp ứng các điều kiện phân cấp nêu trên, cơ quan có thẩm quyền quản lý thuộc UBND cấp tỉnh trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (mã TTHC: 2.002312).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp tỉnh về cơ quan có thẩm quyền quản lý thuộc UBND cấp tỉnh (giữ nguyên thẩm quyền giải quyết đối với hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Phụ lục IX

PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (mã TTHC: 1.008126); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (mã TTHC: 1.008127); Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (mã TTHC: 1.008128); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (mã TTHC: 1.008129).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu (mã TTHC: 3.000128); Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (mã TTHC: 3.000129); Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước (mã TTHC: 3.000127).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 34 Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Thủ tục Công nhận dòng, giống vật nuôi mới (mã TTHC: 3.000126).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

4. Nhóm các thủ tục: Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (mã TTHC: 1.008124); Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (mã TTHC: 1.008125).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

5. Thủ tục Nhập khẩu lần đầu đực giống, tinh, phôi, giống gia súc (mã TTHC: 1.008117).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

6. Thủ tục Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (mã TTHC: 3.000130).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

7. Thủ tục Xuất khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo (mã TTHC: 1.008118).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 21 Luật Chăn nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

B. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

1. Thủ tục Cấp ấn phẩm Chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm (mã TTHC: 1.000009).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh, cụ thể:

- Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh cấp ấn phẩm chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm mẫu vật loài thuộc các Phụ lục CITES, trừ các loài thủy sản.

- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp ấn phẩm chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm mẫu vật loài thủy sản thuộc các Phụ lục CITES.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm a, b khoản 4 Điều 24 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp (mã TTHC: 3.000179); Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng (mã TTHC: 3.000180).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Tổng cục Lâm nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5, 7 Điều 25 và khoản 5 Điều 26 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES (mã TTHC: 1.004819).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh, cụ thể:

- Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh cấp mã số cơ sở nuôi sinh trưởng, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I; động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES, trừ các loài thủy sản.

- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp mã số cơ sở nuôi sinh trưởng, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục I CITES, trừ các loài thủy sản đồng thời thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng hoang dã nguy cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 17 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

4. Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES (mã TTHC: 1.004815).

a) Nội dung phân cấp: Đối với trường hợp nuôi, trồng không vì mục đích thương mại, phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh về UBND cấp huyện, Hạt Kiểm lâm cấp huyện cấp mã số cơ sở nuôi, trồng, cụ thể:

Hạt Kiểm lâm cấp huyện cấp mã số cơ sở nuôi không vì mục đích thương mại các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II; động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES, trừ các loài thủy sản.

UBND cấp huyện cấp mã số cơ sở nuôi, trồng không vì mục đích thương mại các loài thủy sản thuộc Phụ lục II và III CITES, trừ các loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

5. Thủ tục Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (mã TTHC: 1.000047).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh về Hạt kiểm lâm cấp huyện đối với phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại thuộc phạm vi quản lý (Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên đối với hoạt động khai thác vì mục đích thương mại; khai thác không vì mục đích thương mại trên địa bàn 02 huyện trở lên hoặc nơi không có Hạt Kiểm lâm cấp huyện thì thẩm quyền giải quyết vẫn là của Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

6. Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư (mã TTHC: 1.007918).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022 - 2023.

C. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

1. Nhóm các thủ tục: Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (mã TTHC: 1.003388); Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (mã TTHC: 1.003371).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 4 Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự và thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (mã TTHC: 1.003618).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 25 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

D. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

1. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 2.001730); Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 2.001726).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổng cục, cục quản lý chuyên ngành thuộc bộ và cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh, cụ thể:

- Tổng cục, cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện cấp/sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các thị trường có yêu cầu cơ quan thẩm quyền Việt Nam cấp chứng thư, chứng nhận an toàn thực phẩm (ATTP), kiểm dịch…

- Cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh thực hiện cấp/sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các trường hợp còn lại.

Điều kiện phân cấp: Chia sẻ thông tin, dữ liệu về danh sách cơ sở, danh mục sản phẩm chứng nhận đủ điều kiện ATTP của cơ sở xuất khẩu đối với các thị trường có yêu cầu cơ quan thẩm quyền Việt Nam cấp chứng thư, chứng nhận ATTP, kiểm dịch…

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Nhóm các thủ tục: Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 2.001604); Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 1.003814).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Cục Bảo vệ thực vật; Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

Đ. LĨNH VỰC THÚ Y

1. Thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (mã TTHC: 1.004693).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chi cục Thú y vùng thực hiện việc kiểm tra và cấp, cấp lại đối với các cơ sở nhập khẩu và cơ sở hỗn hợp nhập khẩu và phục vụ tiêu dùng trong nước (Đối với cơ sở phục vụ xuất khẩu và cơ sở hỗn hợp phục vụ xuất khẩu và phục vụ tiêu dùng trong nước, cơ sở khác, việc cấp, cấp lại vẫn do Cục Thú y kiểm tra và cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y).

Điều kiện phân cấp: Hiện tại TTHC đang được giải quyết trực tuyến tại Cổng dịch vụ công của bộ và đã được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Để phân cấp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải chỉnh sửa phần mềm dịch vụ công, cấp tài khoản, tiến hành tập huấn cho cán bộ Thú y vùng để các chi cục Thú y vùng thuộc cục có thể nhận và xử lý hồ sơ của doanh nghiệp trên hệ thống.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 37 Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (mã TTHC: 1.001686); Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (mã TTHC: 1.004839).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh về cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

Điều kiện phân cấp: Kiện toàn hệ thống cơ quan chuyên ngành thú y địa phương tại 63/63 tỉnh theo quy định tại Điều 6 Luật Thú y, thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 97 Luật Thú y năm 2015.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025, hoặc khi điều kiện phân cấp được đáp ứng đầy đủ.

3. Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (mã TTHC: 1.004022).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh về cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

Điều kiện phân cấp: Kiện toàn hệ thống cơ quan chuyên ngành thú y địa phương tại 63/63 tỉnh theo quy định tại Điều 6 Luật Thú y, thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022, hoặc khi điều kiện phân cấp được đáp ứng đầy đủ.

E. LĨNH VỰC THỦY LỢI

1. Nhóm các thủ tục: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003870); Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.00140); Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001426); Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.004427); Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003921); Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng,

sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003893); Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.004385); Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001791).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện cho một số hoạt động sau: Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, vật tư, phương tiện thuộc các công trình thủy lợi; Nuôi trồng thủy sản; Trồng cây lâu năm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 44 Luật Thủy lợi; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 2.001796); Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh (mã TTHC: 1.003880).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp tỉnh về UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 44 Luật Thủy lợi; sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

3. Nhóm các thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 1.003997); Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (mã TTHC: 1.003952).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2022.

G. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá (mã TTHC: 1.004697).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển (mã TTHC: 1.004344).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 57 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

H. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1. Nhóm các thủ tục: Cấp thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (mã TTHC: 1.000679); Cấp lại thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (mã TTHC: 1.000643).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Trồng trọt về cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 31, Điều 33 Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

2. Thủ tục Ghi nhận sửa đổi thông tin tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (mã TTHC: 1.000596).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Trồng trọt về cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

3. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng (mã TTHC: 1.000625).

a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Trồng trọt về cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.

(Xem tiếp Công báo số 717 + 718)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng